TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Bùi Bích Thủy;
2- Ông Trương Xuân Vũ.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện Kiểm sát nhândân huyện L- tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T 33 tuổi
Địa chỉ: Thôn A- xã T- huyện L- tỉnh Yên Bái, có mặt.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L 23 tuổi
Địa chỉ: Thôn L- xã Kh- huyện L- tỉnh Yên Bái, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18-6-2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn tháng 3 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T- huyện L- tỉnh Yên Bái. Kết hôn được một thời gian thì phát hiện chị L bị bệnh, anh đưa chị L về bên ngoại để tiện cho việc thuốc thang, chăm sóc. Sau đó anh có đón nhưng chị L không về và bảo anh làm đơn ra tòa. Nay xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị giải quyết cho ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không nợ của ai.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày cơ bản như lời khai của anh T. Nay xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng nhưng do bản thân bị bệnh tật nên chị đồng ý ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng chưa có con chung; không có tài sản chung và cũng không nợ của ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm 2018, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Qua lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng anh T- chị L không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do chị L bị bệnh, gia đình có nhiều khó khăn… Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân. Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho ly hôn. Mặc dù không có mặt để tham gia phiên hòa giải nhưng quan điểm của chị L là đồng ý ly hôn theo yêu cầu cả anh T. Qua đó cho mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L…

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Yên bái theo biên lai số AA/2017/0004469 ngày 18-6-2019.

4- Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô